

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2107 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		848.118.684.742	662.907.910.155
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	33.714.003.389	40.587.968.665
Tiền	111		33.714.003.389	35.087.968.665
Các khoản tương đương tiền	112		-	5.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán I	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		179.996.728.859	214.631.244.737
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.2	115.622.851.793	191.120.035.279
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	60.932.160.352	21.123.536.095
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136		1.455.089.940	401.046.589
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.017.289.495)	(1.017.289.495)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		3.916.269	3.916.269
Hàng tồn kho	140	5.6	599.995.479.425	389.642.559.251
Hàng tồn kho	141		599.995.479.425	389.642.559.251
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		34.412.473.069	18.046.137.502
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	1.435.874.183	817.866.890
Thuế GTGT được khấu trừ	152		32.355.449.308	16.581.063.925
Thuế và các khoản phải thu Nhà r t	153		621.149.578	647.206.687
Giao dịch mua bán lại trái phiếu C h	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		220.835.662.786	198.093.108.678
Các khoản phải thu dài hạn	210		22.000.000	22.000.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		22.000.000	22.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		147.829.346.605	127.333.708.257
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	132.376.004.027	111.714.847.168
Nguyên giá	222		180.632.934.325	156.980.333.751
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.256.930.298)	(45.265.486.583)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	15.453.342.578	15.618.861.089
Nguyên giá	228		16.245.960.569	16.245.960.569
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(792.617.991)	(627.099.480)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		6.124.967.531	4.106.431.811
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở d:	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	6.124.967.531	4.106.431.811
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên d:	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		66.859.348.650	66.630.968.610
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	6.595.467.135	4.665.022.674
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269	5.11	60.263.881.515	61.965.945.936
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.068.954.347.528	861.001.018.833

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

	Mã Số	Thuyết minh	31/03/2107 VND	01/01/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		735.782.243.941	555.760.079.570
Nợ ngắn hạn	310		734.461.212.712	554.439.048.341
Phải trả người bán	311	5.12	9.868.316.196	146.986.490.293
Người mua trả tiền trước	312	5.13	58.670.736.930	51.016.959.697
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	8.002.758.537	4.705.699.990
Phải trả người lao động	314		5.761.396.211	9.003.875.593
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		643.589.145	2.727.342.239
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp tác	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	4.463.290.009	2.153.192.700
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	647.051.125.684	337.832.227.081
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	13.260.748
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		1.321.031.229	1.321.031.229
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.321.031.229	1.321.031.229
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

33 / C / C / C / A

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2107 VND	01/01/2017 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		333.172.103.587	305.240.939.263
Vốn chủ sở hữu	410		333.172.103.587	305.240.939.263
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.17	142.315.340.000	142.315.340.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền b</i>	<i>411a</i>		<i>142.315.340.000</i>	<i>142.315.340.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>411b</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
Thặng dư vốn cổ phần	412	5.17	63.704.711.919	63.704.711.919
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu ngân quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	5.17	7.686.197.246	7.686.197.246
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	421	5.17	115.753.940.994	87.768.528.036
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>87.768.528.036</i>	<i>9.793.152.612</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>27.985.412.958</i>	<i>77.975.375.424</i>
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	5.18	3.711.913.428	3.766.162.062
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSC	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.068.954.347.528	861.001.018.833


NGUYỄN THỊ THANH HẰNG**CHU THỊ NGỌC HUYỀN****TRẦN QUỐC HẢI**

Người lập

Giám đốc Tài chính

Tổng Giám đốc

kiêm Kế toán trưởng

Tp. HCM, ngày 13 tháng 04 năm 2017

11/21/2017 11:11:11

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm 2017 VND	Quý 1 năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		781.068.305.984	446.887.259.092
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.626.363.636	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	779.441.942.348	446.887.259.092
Giá vốn hàng bán	11	6.2	755.528.342.584	427.030.677.046
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.913.599.764	19.856.582.046
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	41.642.393	25.276.783
Chi phí tài chính	22	6.4	5.047.404.188	1.825.607.512
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.026.619.169</i>	<i>1.966.921.622</i>
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	20.842.486.929	8.711.907.540
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	9.848.694.829	4.404.436.977
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(11.783.343.789)	4.939.906.800
Thu nhập khác	31	6.7	47.191.284.264	23.236.018.827
Chi phí khác	32		30.859	170.762
Lợi nhuận khác	40		47.191.253.405	23.235.848.065
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.407.909.616	28.175.754.865
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.8	7.476.745.292	5.624.575.087
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.931.164.324	22.551.179.778
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		27.985.412.958	22.596.438.185
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(54.248.634)	(45.258.407)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.966	2.033

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG CHU THỊ NGỌC HUYỀN

Người lập

Giám đốc Tài chính
kiêm Kế toán trưởng**TRẦN QUỐC HẢI**

Tổng Giám đốc

Tp. HCM, ngày 13 tháng 04 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

	Mã số	Quý 1/2017 VND	Quý 1 Năm 2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	37.109.974.037	28.175.754.865
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.021.068.220	2.933.086.802
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	-	310.513.588
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.784.629.534)	(924.931.297)
Chi phí lãi vay	06	5.260.619.167	1.966.921.622
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	43.607.031.890	32.461.345.580
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	18.043.756.895	(39.828.561.509)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(210.352.920.174)	(26.235.192.517)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(134.064.506.857)	(32.345.579.547)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(2.589.795.108)	(71.004.513)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.260.619.167)	(1.966.921.622)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.370.368.717)	3.619.607.495
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.154.242.592	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(292.833.178.647)	(64.366.306.633)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(25.044.314.766)	(18.778.768.563)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	1.753.121.629	10.604.545.455
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	31.507.905	(23.271.741)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(23.259.685.232)	(8.197.494.849)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	873.498.963.233	248.113.775.663
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(564.280.064.630)	(186.791.516.576)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	309.218.898.603	61.322.259.087
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(6.873.965.276)	(11.241.542.395)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	40.587.968.665	22.571.386.257
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Điều chỉnh ảnh hưởng số dư đầu năm		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ		33.714.003.389	11.329.843.862

(Handwritten signatures)



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Người lập

CHU THỊ NGỌC HUYỀN

Giám đốc Tài chính
kiểm Kế toán trưởng

TRẦN QUỐC HẢI

Tổng Giám đốc
Tp. HCM, ngày 13 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh hợp nhất này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn bao gồm: Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (công ty mẹ) và các công ty con là Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ và Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM.

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ một xí nghiệp của Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn) theo Quyết định số 6418/QĐ-UB-KT ngày 15 tháng 10 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302000126, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 5 năm 2000 và các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau đó, với lần đăng ký thay đổi gần đây nhất là lần thứ 20 ngày 19 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán là HAX) được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 113/UBCK-GPNY ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 08. 35120026
- Fax : 08. 35120025

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là hoạt động thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Trong năm 2016, hoạt động chính của Tập đoàn là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

1.5 Cấu trúc của Tập đoàn

Tập đoàn gồm Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh ("công ty mẹ"), Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ và Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM ("công ty con").

Danh sách công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.	Hoạt động chính của Công ty là mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.	76,20%	76,20%	76,20%
Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 256, đường Kim Giang, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Hoạt động chính của Công ty là mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.	92,72%	92,72%	92,72%

1.6 Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 03 năm 2017 là 462 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 387 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính, thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tập đoàn áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC. Các thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 202 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (công ty mẹ) (gọi tắt là "Công ty") và các công ty con bao gồm: Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ (công ty con) và Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (công ty con) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cùng kỳ báo cáo tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Tập đoàn. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Công ty con được hợp nhất hoàn toàn kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lỗ đó sẽ được phân bổ vào lợi ích của Tập đoàn cho tới khi phần lỗ trước đây do Tập đoàn gánh chịu được bồi hoàn đầy đủ.

4.3 Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh.

Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận là lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích là 10 năm.



Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua.

4.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.5 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối kỳ kế toán, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc là đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá của ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư và có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm các vật tư, phụ tùng xuất cho xưởng sửa chữa, bảo hành và các chi phí nhân công liên quan đến các dịch vụ đang thực hiện cho khách hàng.

4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn với người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ và tài sản đã nhận được từ người bán nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

4.14 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động, phụ lục hợp đồng lao động, quy chế và quy định về lương thưởng của các công ty trong Tập đoàn.

4.15 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn

Tập đoàn trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn như sau:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.
- Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là 2%.

4.16 Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

4.17 Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.18 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được căn nhắc đến các khoản mục tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như khoản lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn; do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ; do đánh giá lại các công cụ tài chính và các khoản mục tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.19 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.20 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh

00
10
PH
VY
31
11

doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20% áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.22 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.23 Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.24 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính bao gồm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính bao gồm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm: phải trả người bán, chi phí phải trả, vay và nợ thuê tài chính và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.25 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

2017
Y / 20
T
NE
17

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ – VND	2.108.016.733	5.849.720.193
Tiền gửi ngân hàng – VND	31.605.986.656	29.238.248.472
Các khoản tương đương tiền	-	5.500.000.000
	<u>33.714.003.389</u>	<u>40.587.968.665</u>

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	31.183.534.359	41.691.155.259
Phải khu khách hàng khác	84.439.317.434	149.428.880.020
	<u>115.622.851.793</u>	<u>191.120.035.279</u>

5.3 Trả trước cho người bán

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trả trước cho các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty TNHH Nhựa Phước Thành (*)	7.768.000.994	7.843.977.847
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam (**)	31.025.725.318	153.631.492
Trả trước cho người bán khác	22.138.434.040	13.125.926.756
	<u>60.932.160.352</u>	<u>21.123.536.095</u>

(*) Đây là khoản ứng trước cho Công ty TNHH Nhựa Phước Thành theo hợp đồng thuê mặt bằng số 22/HĐTMB/PT-HAX ngày 05 tháng 7 năm 2010.

(**) Đây là khoản tiền ứng trước cho Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam để mua hàng hoá trong kỳ.

5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu các cá nhân khác		
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy (*)	3.000.000.000	3.000.000.000
	<u>3.000.000.000</u>	<u>3.000.000.000</u>

(*) Hợp đồng cho vay tiền số 300916/HĐV-PTM ngày 30 tháng 09 năm 2016 giữa Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM và Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

5.5 Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	31/03/2017		Thời gian quá hạn	01/01/2017	
		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các tổ chức và cá nhân khác						
Công ty TNHH Đầu tư Bộ Ba <i>Phải thu thương mại</i>	<i>Trên 3 năm</i>	35.045.295	-	<i>Trên 3 năm</i>	35.045.296	-
Công ty CP ĐT XD PVV Sài Gòn <i>Phải thu thương mại</i>	<i>Trên 3 năm</i>	105.454.400	-	<i>Trên 3 năm</i>	105.454.400	-
Công ty cổ phần Minh Thắng <i>Phải thu thương mại</i>	<i>Trên 3 năm</i>	447.577.960	-	<i>Trên 3 năm</i>	447.577.960	-
Bà Nguyễn Thị Đình Chiến <i>Phải thu thương mại</i>	<i>Trên 3 năm</i>	45.350.000	-	<i>Trên 3 năm</i>	45.350.000	-
Bà Võ Thị Thu Phương <i>Phải thu thương mại</i>	<i>Trên 3 năm</i>	42.692.000	-	<i>Trên 3 năm</i>	42.692.000	-
Công ty CP sản xuất và chuyển giao công nghệ Việt Nam TBI <i>Phải thu thương mại</i>	<i>Trên 3 năm</i>	41.987.000	-	<i>Trên 3 năm</i>	41.987.000	-
Công ty xuất nhập khẩu vật tư kỹ thuật <i>Phải thu thương mại</i>	<i>Trên 3 năm</i>	68.800.000	-	<i>Trên 3 năm</i>	68.800.000	-
Công ty Hợp doanh DMC - FER <i>Phải thu thương mại</i>	<i>Trên 3 năm</i>	53.650.000	-	<i>Trên 3 năm</i>	53.650.000	-
Các đối tượng khác <i>Phải thu thương mại</i>	<i>Trên 3 năm</i>	219.608.220	42.875.380	<i>Trên 3 năm</i>	219.608.220	42.875.380
		1.060.164.875	42.875.380		1.060.164.875	42.875.380

5.6 Hàng tồn kho

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	47.131.745.564	-	43.542.820.855	-
Công cụ, dụng cụ	54.299.000	-	479.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.286.130.978	-	5.420.437.824	-
Hàng hóa	545.523.303.883	-	340.678.821.572	-
Cộng	599.995.479.425	-	389.642.559.251	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

5.7 Chi phí trả trước

5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	126.710.219	488.394.332
Công cụ dụng cụ	1.035.727.926	270.805.891
Chi phí khác	273.436.038	58.666.667
	1.435.874.183	817.866.890

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	2.582.339.610	2.531.643.971
Công cụ, dụng cụ	3.424.889.881	2.133.378.702
Chi phí khác	588.237.644	-
	6.595.467.135	4.665.022.673

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Vào ngày 01/01/2017	52.664.832.826	17.445.541.211	82.509.064.557	2.461.137.693	1.899.757.464	156.980.333.751
Tăng do mua mới trong năm	4.736.893.694	200.227.273	49.414.557.149	976.540.040	71.808.000	55.400.026.156
Giảm do thanh lý	-	-	28.189.052.139	345.139.727	-	28.534.191.866
Tăng/(giảm) khác	-	-	3.349.127.722	-	-	3.349.127.722
Vào ngày 31/03/2017	57.401.726.520	17.645.768.484	100.385.441.845	3.092.538.006	1.971.565.464	180.632.934.325
Giá trị hao mòn lũy kế						
Vào ngày 01/01/2017	26.896.642.138	12.197.229.052	4.138.961.734	1.619.044.761	431.058.899	45.265.486.584
Khấu hao phát sinh trong kỳ	1.586.384.175	357.841.431	3.764.641.047	98.591.665	99.747.863	5.907.206.181
Giảm do thanh lý	-	-	2.908.719.314	7.043.153	-	2.915.762.467
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	-
Vào ngày 31/03/2017	28.483.026.313	12.537.620.483	4.994.883.467	1.710.593.273	530.806.762	48.256.930.298
Giá trị còn lại						
Vào ngày 01/01/2017	25.768.190.688	5.265.762.159	78.370.102.824	842.092.933	1.468.698.565	111.714.847.168
Vào ngày 31/03/2017	28.918.700.207	5.108.148.001	95.526.452.384	1.381.944.733	1.440.758.702	132.376.004.027

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Vào ngày 01/01/2017	11.646.416.800	4.599.543.769	16.245.960.569
Tăng trong năm	-	-	-
Vào ngày 31/03/2017	11.646.416.800	4.599.543.769	16.245.960.569
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 01/01/2017	-	627.099.480	627.099.480
Khấu hao trong năm	-	165.518.511	165.518.511
Vào ngày 31/03/2017	-	792.617.991	792.617.991
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2017	11.646.416.800	3.972.444.289	15.618.861.089
Vào ngày 31/03/2017	11.646.416.800	3.806.925.778	15.453.342.578

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2017	01/01/2017
Công trình nhà xưởng dịch vụ Điện Biên Phủ	4.176.772.471	2.719.164.271
Showroom Autohaus 256 Kim Giang	1.878.195.060	1.387.267.540
Công trình khác	70.000.000	
	6.124.967.531	4.106.431.811

5.11 Lợi thế thương mại

	Giá trị VND
Tại ngày 01/01/2017	61.965.945.936
Phân bổ vào chi phí trong năm (Ô tô Cần Thơ)	(129.848.544)
Phân bổ vào chi phí trong năm (PTM)	(1.572.215.877)
Tại ngày 31/03/2017	60.263.881.515

5.12 Phải trả người bán

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Công ty TNHH Mercedes- Benz Việt Nam	4.476.111.813	4.476.111.813	139.295.275.647	139.295.275.647
Phải trả người bán khác	5.392.204.383	5.392.204.383	7.691.214.646	7.691.214.646
	9.868.316.196	9.868.316.196	146.986.490.293	146.986.490.293

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ ngắn hạn quá hạn chưa thanh toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

5.13 Người mua trả tiền trước

Các khoản trả trước của khách hàng là các khoản ứng trước tiền mua xe ô tô và dịch vụ sửa chữa xe, được chi tiết như sau:

	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Các khách hàng khác	58.670.736.930	51.016.959.697
	<u>58.670.736.930</u>	<u>51.016.959.697</u>

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
Thuế GTGT hàng nội địa	118.743.041	233.342.555
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.359.924.098	4.253.547.523
Thuế thu nhập cá nhân	338.255.153	218.809.912
Các loại thuế khác	185.836.245	-
	<u>8.002.758.537</u>	<u>4.705.699.990</u>

5.15 Các khoản phải trả ngắn hạn khác**5.15.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.463.290.009	2.153.192.700
	<u>4.463.290.009</u>	<u>2.153.192.700</u>

5.15.2 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ ngắn hạn quá hạn chưa thanh toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

5.16 Vay

5.16.1 Vay ngắn hạn

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Vay ngắn hạn ngân hàng: (*)	647.051.125.684	647.051.125.684	337.832.227.081	337.832.227.081
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	179.200.274.882	179.200.274.882	92.985.973.482	92.985.973.482
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	399.512.426.801	399.512.426.801	189.329.709.986	189.329.709.986
- Vay ngân hàng Hồng Kông & Thượng Hải (HSBC)	42.545.982.394	42.545.982.394	8.760.766.700	8.760.766.700
- Vay ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	25.792.441.607	25.792.441.607	46.755.776.913	46.755.776.913
	647.051.125.684	647.051.125.684	337.832.227.081	337.832.227.081

(*) Các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng để kinh doanh xe ô tô với lãi suất theo từng thời điểm vay. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các chứng từ hàng hóa là xe ô tô.

5.16.2 Số dư vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có số dư vay ngắn hạn quá hạn chưa thanh toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016.

5.17 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

5.17.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2016	111.161.690.000	635.620.600	4.309.225.692	13.170.124.166	129.276.660.458
Tăng vốn trong kỳ (*)	31.153.650.000	-	-	-	31.153.650.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	63.069.091.319	-	-	63.069.091.319
Lãi trong năm	-	-	-	79.975.375.424	79.975.375.424
Trích lập quỹ	-	-	3.376.971.554	(3.376.971.554)	-
Số dư 31/12/2016	142.315.340.000	63.704.711.919	7.686.197.246	87.768.528.036	301.474.777.201
Số dư 01/01/2017	142.315.340.000	63.704.711.919	7.686.197.246	87.768.528.036	301.474.777.201
Lãi trong năm	-	-	-	27.985.412.958	27.985.412.958
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-
Số dư 31/03/2017	142.315.340.000	63.704.711.919	7.686.197.246	115.753.940.994	329.460.190.159

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

5.17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	15/03/2017		01/01/2017	
	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %
Ông Đỗ Tiên Dũng	19.789.540.000	13,91	19.789.540.000	13,91
Bà Vũ Thị Hạnh	18.554.570.000	13,04	18.554.570.000	13,04
Ông Hoàng Đức Hùng	8.389.330.000	5,89	12.291.330.000	8,64
Ông Hoàng Đức Thành	8.092.300.000	5,69	8.083.200.000	5,68
Cổ đông khác	87.489.600.000	61,47	87.489.600.000	61,47
	142.315.340.000	100,00	142.315.340.000	100,00

5.17.3 Cổ phiếu

	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.231.534	14.231.534
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.231.534	14.231.534
- Cổ phiếu phổ thông	14.231.534	14.231.534
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.231.534	14.231.534
- Cổ phiếu phổ thông	14.231.534	14.231.534
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

5.18 Lợi ích của cổ đông thiểu số

	Quý 1 Năm 2017 VND	Quý 1 Năm 2016 VND
Số đầu năm	3.766.162.062	1.208.586.905
Lợi nhuận/lỗ sau thuế của cổ đông thiểu số	(54.248.634)	(45.258.407)
Điều chỉnh khác	-	-
Số cuối năm	3.711.913.428	1.163.328.498

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 1 Năm 2017 VND	Quý 1 Năm 2016 VND
Doanh thu kinh doanh xe	736.390.440.913	408.348.680.790
Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	42.088.739.247	37.798.169.544
Doanh thu hoạt động khác	962.762.188	740.408.758
	779.441.942.348	446.887.259.092

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

6.2 Giá vốn hàng bán

	Quý 1 Năm 2017 VND	Quý 1 Năm 2016 VND
Giá vốn kinh doanh xe	714.878.873.113	393.015.983.655
Giá vốn dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	40.591.464.017	34.134.599.118
Giá vốn hoạt động khác	58.005.454	180.094.273
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	-	(300.000.000)
	755.528.342.584	427.030.677.046

6.3 Doanh thu tài chính

	Quý 1 Năm 2017 VND	Quý 1 Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	41.642.393	25.276.783
	41.642.393	25.276.783

6.4 Chi phí tài chính

	Quý 1 Năm 2017 VND	Quý 1 Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	5.026.619.169	1.966.921.622
Chi phí tài chính khác	20.785.019	(141.314.110)
	5.047.404.188	1.825.607.512

6.5 Chi phí bán hàng

	Quý 1 Năm 2017 VND	Quý 1 Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	7.281.512.674	2.658.283.915
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.438.607.381	1.901.879.137
Chi phí bán hàng khác	7.122.366.874	4.151.744.488
	20.842.486.929	8.711.907.540

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 1 Năm 2017 VND	Quý 1 Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.007.577.815	2.177.150.177
Chi phí khấu hao tài sản cố định	821.931.510	142.691.569
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.019.185.504	2.084.595.231
	9.848.694.829	4.404.436.977

6.7 Thu nhập khác

	Quý 1 Năm 2017 VND	Quý 1 Năm 2016 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.753.121.629	957.293.948
Thu nhập từ tiền thưởng đạt chỉ tiêu bán hàng và hỗ trợ từ Mercedes Benz Việt Nam	45.047.875.829	21.179.961.723
Thu nhập khác	390.286.806	1.098.763.156
	47.191.284.264	23.236.018.827

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	Quý 1 Năm 2017 VND	Quý 1 Năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.407.909.616	28.175.754.865
Điều chỉnh tăng / giảm lợi nhuận	1.975.816.846	(52.879.428)
Thu nhập chịu thuế	37.383.726.462	28.122.875.437
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.476.745.292	5.624.575.087

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

		Quý 1 Năm 2017 VND	Quý 1 Năm 2016 VND
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	27.985.412.958	22.596.438.185
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong năm	CP	14.231.534	11.116.169
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP	1.966	2.033

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty

	Quý 1 Năm 2017 VND	Quý 1 Năm 2016 VND
Tiền lương và thu nhập khác	1.031.700.000	631.500.000

7.2 Công cụ tài chính

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các rủi ro tài chính của Tập đoàn bao gồm : rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý các rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro : rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác. Tập đoàn chịu rủi ro về ngoại tệ, lãi suất và giá hàng hóa.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức tồn kho một cách hợp lý.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm ngoại trừ các khoản cho vay, các khoản phải thu được trình bày tại thuyết minh số 5.4 và 5.5.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG
Người lập



CHU THỊ NGỌC HUYỀN
Giám đốc Tài chính
kiêm Kế toán trưởng



TRẦN QUỐC HẢI
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 09 năm 2017

